



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 51 + 52

Ngày 01 tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

01-7-2025-	Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.	2
01-7-2025-	Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.	25
01-7-2025-	Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.	51

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã,

phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4960/TTr-STP ngày 30 tháng 6 năm 2025; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6321/TTr-SNV ngày 30 tháng 6 năm 2025; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4959/BC-STP ngày 30 tháng 6 năm 2025; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành văn bản

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương, Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương, Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Các quy định tại khoản 2 Điều 5; khoản 2, điểm e khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 6; khoản 2 Điều 7; Điều 10 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ các trường hợp sau:

a) Quy định tương ứng tại Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp được cho phép kéo dài thời gian áp dụng.

b) Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền của Trung ương ban hành có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí

1. Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Sở Tư pháp) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố), chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định pháp luật.

3. Sở Tư pháp có tên giao dịch bằng tiếng Anh là HO CHI MINH CITY JUSTICE DEPARTMENT.

4. Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp đặt tại:

Trụ sở chính: 141-143 Pasteur, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở 2: Tầng 15, tháp A, Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở 3: số 01 Phạm Văn Đồng, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Website: <https://sotuphap.hochiminhcity.gov.vn>

Điện thoại số: (028) 3829 7052

Email: stp@tphcm.gov.vn

Điều 2. Chức năng

Sở Tư pháp có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; thừa phát lại; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; pháp chế; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**Điều 3. Về xây dựng pháp luật****1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định pháp luật; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ

chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các văn bản khác về công tác tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý công tác xây dựng pháp luật tại địa phương theo quy định pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Tham gia xây dựng, có ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố trình, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Định kỳ hàng quý, năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền địa phương.

Điều 4. Về tổ chức thi hành pháp luật

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về công tác: theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm

tra, rà soát, hệ thống hóa, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực tư pháp đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

3. Về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và tổ chức thực hiện kế hoạch;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý kịp thời xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hàng năm gửi Bộ Tư pháp;

d) Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

a) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản tại địa phương; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tự kiểm tra văn bản theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã); văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp xã ban hành; văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội

đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc tương đương) ban hành; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đôn đốc, chỉ đạo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; làm đầu mối xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định pháp luật;

d) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, văn bản khác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và kiểm tra kết quả cập nhật văn bản theo quy định pháp luật; tổng hợp, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định pháp luật.

5. Về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tổ chức thực hiện sau khi các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố; tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp Thành phố; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, quản lý, tập huấn, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên tại địa phương theo quy định pháp luật;

d) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định pháp luật;

đ) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc triển khai Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Về hành chính tư pháp

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về công tác: hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước tại địa phương theo quy định pháp luật.

2. Về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi

a) Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, Sổ đăng ký nuôi con nuôi, biểu mẫu hộ tịch, biểu mẫu nuôi con nuôi; lưu trữ Sổ hộ tịch, Sổ đăng ký nuôi con nuôi, hồ sơ đăng ký hộ tịch, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi theo quy định pháp luật;

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

d) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ đề giải quyết hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách về quốc tịch theo quy định pháp luật;

e) Thực hiện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt các đề nghị xóa dữ liệu hộ tịch điện tử hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã; cho phép khôi phục lại dữ liệu hộ tịch điện tử trước khi điều chỉnh, xóa bỏ nếu có văn bản, quyết định có hiệu lực pháp luật cho phép khôi phục lại trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

3. Về đăng ký biện pháp bảo đảm

a) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh theo quy định pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chế độ báo cáo Bộ Tư pháp và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

4. Về bồi thường nhà nước

a) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường tại địa phương; đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án;

b) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật; tham gia vào việc xác minh thiệt hại khi được cơ quan giải quyết bồi thường đề nghị; tham gia thương lượng việc bồi thường trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường; kiến nghị thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ xem xét lại quyết định hoàn trả, giảm mức hoàn trả theo quy định pháp luật; yêu cầu thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 6. Về hỗ trợ tư pháp

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo quy định pháp luật.

2. Về luật sư và tư vấn pháp luật

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các biện pháp

hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật; cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật;

c) Cung cấp thông tin về việc cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật; đề nghị Đoàn Luật sư cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của luật sư, yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tổ chức và hoạt động khi cần thiết;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân; lập danh sách, theo dõi luật sư đăng ký hành nghề tại địa phương;

đ) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

3. Về trợ giúp pháp lý

a) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng của Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, bổ nhiệm, cấp và cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý;

c) Cấp, cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (nếu có); Cấp, thay đổi nội dung, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật;

d) Công bố, cập nhật danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; quản lý, bảo mật dữ liệu trên hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi thẩm quyền;

đ) Lựa chọn, ký kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý;

e) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật.

4. Về công chứng và chứng thực

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng; ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; điều chỉnh danh mục địa bàn được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật;

b) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố đề án thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; trình Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; xem xét, quyết định cho phép việc bán Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân theo quy định pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu và ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của Thành phố Hồ Chí Minh; có ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp lưu trữ hồ sơ công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng;

d) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên; công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài theo quy định pháp luật;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng công chứng theo quy định của pháp luật; cấp, cấp lại, thu hồi thẻ công chứng viên; quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng, chấm dứt việc tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng; quản lý tập sự hành nghề công chứng theo quy định pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan để theo dõi, kiểm tra, rà soát đội ngũ công chứng viên tại Thành phố Hồ Chí Minh và các công chứng viên mà Sở Tư pháp đề nghị bổ nhiệm để kịp thời phát hiện những công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm theo quy định

pháp luật; thường xuyên thống kê, cập nhật danh sách công chứng viên đương nhiên miễn nhiệm vào phần mềm quản lý hoạt động công chứng của Bộ Tư pháp, đồng thời đăng tải danh sách này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

e) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; ra quyết định tạm ngừng hoạt động, quyết định chấm dứt việc tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng; ghi nhận thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh và danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng của Văn phòng công chứng; ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định pháp luật;

g) Chỉ định một Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng đủ điều kiện tiếp nhận hồ sơ công chứng khi tổ chức hành nghề công chứng bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật; chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động khi có yêu cầu sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng, công chứng hợp đồng thể chấp theo quy định pháp luật; chủ trì, phối hợp với Hội Công chứng viên và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bàn giao hồ sơ công chứng;

h) Cử đại diện chứng kiến việc kê biên, khám xét trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định pháp luật;

i) Phê duyệt danh sách cộng tác viên dịch thuật theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Về giám định tư pháp

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép và thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp; chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đề xuất các giải pháp bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu của hoạt động tố tụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh .

6. Về đấu giá tài sản

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi, thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản;

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến theo quy định pháp luật;

d) Lập và đăng tải thông tin về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định pháp luật.

7. Về hòa giải thương mại và trọng tài thương mại

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cấp, cấp lại, chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, chấp thuận việc thay đổi nội dung giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài theo quy định pháp luật;

b) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, thu hồi Giấy phép thành lập

Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật; phê chuẩn Điều lệ của Trung tâm trọng tài;

c) Cấp, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh của Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

d) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp; cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, Tổ chức hòa giải thương mại trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

đ) Cập nhật thông tin về Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật.

8. Về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề quản tài viên;

b) Đăng ký hành nghề, công bố danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

d) Rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi chứng chỉ hành nghề quản tài viên tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi chứng chỉ hành nghề quản tài viên theo quy định pháp luật.

9. Kiểm tra, xử lý vi phạm về tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7. Về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và thừa phát lại

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo quy định pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

2. Về thừa phát lại

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Thừa phát lại và công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài; xác minh thông tin trong hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm Thừa phát lại; đăng ký hành nghề, cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ Thừa phát lại; quyết định tạm đình chỉ hành nghề Thừa phát lại; lập danh sách Thừa phát lại hành nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh và cấp Thẻ Thừa phát lại theo quy định pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thành lập, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại;

c) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; quyết định tạm ngừng hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; quản lý về tập sự hành nghề Thừa phát lại trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về vi bằng, thực hiện đăng ký và quản lý cơ sở dữ liệu về vi bằng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

đ) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động thừa phát lại theo quy định pháp luật.

Điều 8. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thống kê, xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Điều 9. Về quản lý công tác pháp chế

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý công tác pháp chế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

2. Kiểm tra công tác pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 10. Về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; làm đầu mối tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, quản lý và sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

3. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn khác

1. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp theo quy định pháp luật.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tư pháp, pháp luật đối với công chức, viên chức, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định pháp luật.

3. Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí,

tiêu cực theo quy định pháp luật.

4. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

5. Hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp xã và các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

7. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định pháp luật.

9. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp và theo quy định pháp luật.

10. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 12. Lãnh đạo Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp làm việc theo chế độ Thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của

Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Ban Giám đốc Sở Tư pháp gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tư pháp

a) Giám đốc Sở Tư pháp là người đứng đầu Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp và các công việc được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở Tư pháp chủ động làm việc với Giám đốc sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

b) Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; bộ, cơ quan ngang bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở Tư pháp.

3. Phó Giám đốc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, giúp Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở Tư pháp phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở Tư pháp vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở Tư pháp được Giám đốc Sở Tư pháp ủy quyền thay Giám đốc Sở Tư pháp điều hành các hoạt động của Sở Tư pháp. Phó Giám đốc Sở Tư pháp không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho

từ chức, miễn nhiệm, điều động, tạm đình chỉ, cách chức, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc sở và Phó Giám đốc sở theo quy định của Đảng và của pháp luật.

5. Số lượng Phó Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 13. Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp

1. Các phòng chuyên môn của Sở Tư pháp bao gồm:

- a) Văn phòng Sở.
- b) Phòng Tổ chức.
- c) Phòng Văn bản pháp quy.
- d) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật
- đ) Phòng Hỗ trợ tư pháp
- e) Phòng Hộ tịch - Quốc tịch
- g) Phòng Kiểm tra văn bản
- h) Phòng Công tác thi hành pháp luật và Quản lý xử lý vi phạm hành chính
- i) Phòng Kiểm tra và quản lý pháp chế

2. Nhiệm vụ của các phòng chuyên môn của Sở Tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này do Giám đốc Sở Tư pháp quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp và quy định pháp luật.

Điều 14. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp

1. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp bao gồm:

- a) Phòng Công chứng số 1
- b) Phòng Công chứng số 2
- c) Phòng Công chứng số 3
- d) Phòng Công chứng số 4
- đ) Phòng Công chứng số 5
- e) Phòng Công chứng số 6
- g) Phòng Công chứng số 7
- h) Phòng Công chứng số 8

- i) Phòng Công chứng số 9
- k) Phòng Công chứng số 10
- l) Phòng Công chứng số 11
- m) Phòng Công chứng số 12
- n) Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Thành phố Hồ Chí Minh
- o) Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh
- p) Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh
- q) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố Hồ Chí Minh
- r) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 Thành phố Hồ Chí Minh
- s) Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Tư pháp sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định.

Điều 15. Quản lý biên chế và sử dụng công chức

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, xử lý kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức; số lượng cấp phó của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Tư pháp được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao và theo quy định.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Đối với Bộ Tư pháp

1. Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo và quản lý về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Tư pháp và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về các lĩnh vực công tác theo quy định. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn cho Bộ Tư pháp theo chế độ báo cáo công tác định kỳ hoặc đột xuất,

thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp về công tác chuyên môn. Tham dự các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Tư pháp triệu tập.

2. Đối với chủ trương của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan đến phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp phải báo cáo Bộ Tư pháp để được hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 17. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình và kết quả hoạt động của ngành; tham gia các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.

3. Trường hợp chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp kịp thời báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét.

Điều 18. Đối với các Ban của Thành ủy

Sở Tư pháp chủ động liên hệ công tác với các Ban của Thành ủy tiếp nhận chỉ đạo của Thành ủy và ý kiến của các Ban về những vấn đề có liên quan đến công tác cán bộ, nội dung định hướng hoạt động của Sở.

Điều 19. Đối với các sở, ban, ngành Thành phố

1. Mỗi quan hệ giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành Thành phố là mối quan hệ phối hợp công tác, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của Thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm thực hiện các quy định liên quan đến công tác tư pháp theo quy định pháp luật.

Điều 20. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung về công tác tư pháp theo quy định pháp luật; phối hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương trong phạm vi quản lý của ngành. Chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Khi cần thiết, Sở Tư pháp trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn tại địa phương. Trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề liên quan đến cấp xã, Sở Tư pháp cần trao đổi với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm triển khai, thi hành Quy định này; căn cứ vào nội dung của Quy định, ban hành quy chế làm việc, sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên địa bàn Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tư pháp đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương có trách nhiệm phối hợp Sở Tư pháp thực hiện đúng nội dung Quy định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6222/TTr-SNV ngày 30

tháng 6 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4832/BC-STP ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Nội dung ban hành

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quyết định này bãi bỏ:

a) Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương;

c) Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân Thành phố), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về: tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội; quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Tên gọi và trụ sở làm việc

1. Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ đặt tại:

a) Trụ sở chính: Số 86B Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Trụ sở 2: Số 159 Pasteur, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Trụ sở 3: Tòa nhà Trung tâm hành chính Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Trụ sở 4: Tòa nhà Trung tâm hành chính Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Nội vụ có tên gọi bằng tiếng Anh là Ho Chi Minh City Department of Home Affairs.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ;

c) Dự thảo quyết định phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho Sở Nội vụ, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân Thành phố được giao theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục, tổ chức tương đương chi cục thuộc Sở Nội vụ (nếu có);

đ) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ

chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác);

e) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao của Sở Nội vụ.

4. Về tổ chức bộ máy

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố:

Trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực nội vụ của Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định đối với các dự thảo văn bản:

Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính trên địa bàn cấp tỉnh, cấp xã;

Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định

của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác);

Thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Về vị trí việc làm, biên chế công chức

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố:

Thẩm định, tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn; điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp xã gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật;

Trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định biên chế công chức của cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp xã trong tổng số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; trình Hội đồng nhân dân Thành phố số lượng ký hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo quy định;

c) Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức tương ứng của cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp xã; trình Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thẩm định đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Ủy ban

nhân dân Thành phố phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố:

Thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (nếu có) của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn Thành phố gửi Bộ Nội vụ thẩm định;

Trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được Bộ Nội vụ thẩm định;

Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định;

Quyết định về số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc phạm vi quản lý; số lượng người ký hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố;

Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

c) Tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số

lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính (do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; bảo đảm một phần chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

7. Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Về cải cách hành chính

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

Chỉ đạo, triển khai chương trình, kế hoạch và các văn bản khác của cơ quan cấp trên về cải cách hành chính.

Quyết định các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố

Triển khai xác định, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước hằng năm

trên địa bàn Thành phố theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nội vụ ban hành theo yêu cầu của cải cách hành chính nhà nước từng giai đoạn;

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ về cải cách hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong tổ chức triển khai nội dung cải cách tổ chức bộ máy; chế độ công vụ, công chức; lao động, tiền lương; bảo hiểm xã hội; việc làm; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; thanh niên; bình đẳng giới; văn thư, lưu trữ nhà nước; thi đua, khen thưởng và công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

9. Về chính quyền địa phương

a) Tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên;

b) Tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật;

d) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo khung số lượng do Chính phủ quy định;

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

10. Về địa giới đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Thực hiện công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Lập hồ sơ đề án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, hoàn thiện hồ sơ, văn bản gửi Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính và giải quyết trường hợp chưa thống nhất về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh; công nhận vùng an toàn khu;

c) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận xã đảo, xã an toàn khu; phân loại đơn vị hành chính cấp xã;

d) Triển khai thực hiện các đề án, văn bản liên quan đến địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Về cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác; việc quản lý đối với người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Đảng, của pháp luật và quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân

Thành phố;

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan Đảng có thẩm quyền;

c) Các nội dung khác liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

12. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác theo quy định của Đảng, của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn theo yêu cầu vị trí việc làm trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý đối với công chức, viên chức và người làm công tác ở ngành, lĩnh vực đó;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc bố trí, phân bổ kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

13. Về tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ theo quy định của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ và quy định pháp luật có liên quan;

b) Tham mưu về hoạt động chữ thập đỏ ở địa phương theo quy định của pháp luật.

14. Về văn thư, lưu trữ nhà nước

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục cơ quan, tổ chức của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Lưu trữ nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố theo thẩm quyền;

b) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hủy tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố; quyết định việc mang tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố ra nước ngoài; phê duyệt danh mục tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố; công nhận, hủy bỏ việc công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt đối với tài liệu lưu trữ tư và tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức thuộc địa bàn quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố; cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo thẩm quyền quản lý; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của địa phương, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo thẩm quyền quản lý;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố; chỉ đạo lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Thành phố thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

15. Về thanh niên và bình đẳng giới

a) Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án phát triển thanh niên tại địa phương; bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ; Thắt hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

b) Thực hiện hoặc hướng dẫn lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên; vấn đề bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới khi xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố hằng năm và từng giai đoạn;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên, về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

d) Thực hiện công tác thống kê, quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương; hướng dẫn và tổ chức thực hiện thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê định kỳ của địa phương về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các chỉ tiêu thống kê quốc gia về giới, công tác cán bộ nữ;

đ) Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định, chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên; bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn;

e) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và bình đẳng giới theo từng lĩnh vực cụ thể.

16. Về thi đua, khen thưởng

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức các phong trào thi đua; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện các phong trào thi đua và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện việc trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, thu hồi,

cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Làm nhiệm vụ Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố.

17. Về lĩnh vực việc làm:

a) Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn và hằng năm, dự án, đề án về việc làm, hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động, dịch vụ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, tuyển dụng và quản lý lao động tại Việt Nam theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; thu thập, lưu trữ, tổng hợp, phân tích, dự báo, phổ biến và quản lý thông tin thị trường lao động trên địa bàn Thành phố;

b) Hướng dẫn và thực hiện chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dịch vụ việc làm tại địa phương;

d) Thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật lao động;

đ) Thực hiện quản lý nhà nước về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

18. Về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Nhận và ban hành văn bản chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động cho doanh nghiệp dịch vụ theo thẩm quyền quản lý;

b) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài theo thẩm quyền quản lý;

c) Nhận báo cáo sau khi doanh nghiệp hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở

nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định;

d) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

đ) Nhận và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp thực hiện đăng ký đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ 90 ngày trở lên theo thẩm quyền quản lý;

e) Ban hành văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài;

g) Nhận danh sách và xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài;

h) Ban hành văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ đề nghị trả tiền ký quỹ cho doanh nghiệp (đối với hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) theo thẩm quyền quản lý;

i) Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết;

k) Cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động để người lao động sau khi kết thúc hợp đồng ở nước ngoài về nước lựa chọn việc làm phù hợp với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp được tích lũy sau quá trình làm việc ở nước ngoài;

l) Hỗ trợ người lao động sau khi về nước tiếp cận dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội tự nguyện nhằm hòa nhập xã hội.

19. Về lĩnh vực lao động, tiền lương:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động và đình công, chế độ đối với người lao động trong sắp xếp, tổ chức lại, bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; giải thể, phá sản doanh nghiệp; trong sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương trong

khu vực sản xuất kinh doanh;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới, người lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật, lao động chưa thành niên, lao động là người giúp việc gia đình và một số lao động khác;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về cho thuê lại lao động tại địa phương;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật lao động về việc đăng ký và quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

20. Về lĩnh vực bảo hiểm xã hội:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị trong đó đề xuất phương án xử lý (nếu có) với các Bộ, ngành có liên quan giải quyết những vấn đề về bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền;

c) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm thời nghỉ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất;

d) Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan triển khai tổ chức thực hiện tuyên truyền bảo hiểm xã hội trên địa bàn.

21. Về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động;

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong phạm vi địa phương; Thắt hành động về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Hướng dẫn và triển khai công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm

hàng hóa đặc thù;

d) Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính về an toàn vệ sinh lao động, sản phẩm hàng hóa đặc thù được phân cấp;

đ) Hướng dẫn về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

e) Chủ trì, phối hợp tổ chức điều tra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên; điều tra lại các vụ tai nạn lao động và phối hợp với ngành y tế điều tra bệnh nghề nghiệp theo đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn; tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động; công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra tại địa phương;

h) Tiếp nhận tài liệu thông báo việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động trên địa bàn quản lý.

22. Về lĩnh vực người có công:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng;

b) Triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo phân cấp trên địa bàn;

c) Chủ trì, phối hợp tổ chức công tác tiếp nhận và an táng hài cốt liệt sĩ theo phân công hoặc phân cấp; thông tin, báo tin về mộ liệt sĩ; thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ;

d) Quản lý đối tượng, hồ sơ đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ;

đ) Hướng dẫn và tổ chức các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Thành phố.

23. Về công tác dân chủ, dân vận

a) Tham mưu, tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa

bàn;

b) Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn;

c) Tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Tham mưu, triển khai thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

24. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

25. Phối hợp, hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

26. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

27. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

28. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lĩnh vực nội vụ tại địa phương bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối và chia sẻ.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao thuộc phạm vi quản lý nhà nước với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nội vụ.

30. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

31. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực nội vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

32. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ theo quy định của pháp luật.

33. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, tỷ lệ công chức cần bổ trí theo từng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

34. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

35. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Nội vụ

1. Sở Nội vụ có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc do Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Sở Nội vụ là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Sở Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định phân công công tác đối với thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố. Giám đốc Sở Nội vụ không kiêm nhiệm người đứng đầu các tổ chức thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Phó Giám đốc Sở Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, giúp Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở Nội vụ phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám

đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở Nội vụ. Phó Giám đốc Sở Nội vụ không kiêm nhiệm người đứng đầu các tổ chức thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ

Cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ gồm:

1. Văn phòng; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Cải cách hành chính;
- c) Phòng Công chức, viên chức;
- d) Phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi chính phủ;
- đ) Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên;
- e) Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ;
- g) Phòng Người có công;
- h) Phòng Việc làm - An toàn lao động;
- i) Phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội;
- k) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- l) Phòng Kiểm tra và Pháp chế.

2. Tổ chức tương đương Chi cục:

Ban Thi đua - Khen thưởng.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

- a) Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố;
- b) Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Dương;
- c) Trung tâm Lưu trữ lịch sử;

- d) Ban Quản trang Thành phố;
- đ) Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương;
- e) Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố;
- g) Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương;
- h) Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- i) Viện Khoa học An toàn Vệ sinh lao động Thành phố;
- k) Trung tâm Điều dưỡng người có công.

Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ do Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm theo quy định của Đảng, Nhà nước.

2. Người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ (gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức được giao phụ trách.

3. Cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ (gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó điều hành các hoạt động của tổ chức.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ thực hiện theo quy định.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân

chuyên, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Sở Nội vụ làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ ban hành và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của Sở.

3. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ trên địa bàn Thành phố và các công việc được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động của Sở; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi quản lý; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực

hiện nhiệm vụ của Sở.

Điều 8. Đối với Bộ Nội vụ

1. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ và sự hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan chuyên môn của Bộ Nội vụ, đảm bảo sự thống nhất của ngành nội vụ trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả hoạt động và kế hoạch công tác định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Nội vụ; dự các cuộc họp, hội nghị do Bộ Nội vụ triệu tập.

2. Về các chủ trương lớn của Bộ Nội vụ, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Bộ Nội vụ để có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Trường hợp Bộ Nội vụ chưa thống nhất với chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ Nội vụ mà Sở Nội vụ xét thấy không phù hợp với tình hình thực tế của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ kịp thời báo cáo và đề xuất kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 9. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan đến ngành nội vụ của Thành phố cho Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố; chuẩn bị các nội dung để trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố những vấn đề liên quan đến ngành nội vụ.

2. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các hoạt động quản lý nhà nước về nội vụ. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở Nội vụ cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến cơ quan, đơn vị trong ngành nội vụ Thành phố.

3. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ và

những vấn đề đang được bàn bạc giữa Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc giữa Giám đốc Sở Nội vụ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tùy theo tính chất và phạm vi vấn đề, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với các Sở, ban, ngành Thành phố

1. Mọi quan hệ giữa Sở Nội vụ với các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ có liên quan đến các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ chủ động lấy ý kiến Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đó (bằng văn bản).

Điều 11. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực do Sở Nội vụ phụ trách theo nội dung được phân cấp quản lý, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân cấp xã làm tốt trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý ngành, lĩnh vực công tác tại địa phương.

2. Sở Nội vụ chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; đề ra thang điểm thi đua làm cơ sở để Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hằng năm.

3. Giám đốc Sở Nội vụ làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở Nội vụ làm việc và giải quyết những vấn đề liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu có ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 12. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Sở Nội vụ chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những

chủ trương, chỉ đạo của Thành ủy Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố. Tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và công tác tham mưu của Sở.

Điều 13. Đối với các cá nhân, tổ chức Hội, Quỹ

Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và thành phố Thủ Đức hướng dẫn, kiểm tra các cá nhân, tổ chức Hội, Quỹ thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động theo Điều lệ và các văn bản theo quy định pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm triển khai

Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ trên địa bàn Thành phố.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ ban hành Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nội vụ, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục, tổ chức tương đương chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) trực thuộc Sở, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức

năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4597/TTr-SCT ngày 30 tháng 6 năm 2025; ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6325/TTr-SNV ngày 30 tháng 6 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4856/BC-STP ngày 27 tháng 6 năm 2025; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy

ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 1. Nội dung ban hành

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định:

a) Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương.

c) Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là *Sở Công Thương*) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là *Ủy ban nhân dân Thành phố*); thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định.

3. Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên

chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Công Thương.

4. Tên giao dịch đối ngoại của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh là: HOCHIMINH CITY'S DEPARTMENT OF INDUSTRY AND TRADE.

5. Trụ sở

a) Trụ sở chính: 163 Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Trụ sở 2: 61 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Trụ sở 3: Tòa nhà Trung tâm hành chính Bình Dương.

d) Trụ sở 4: Tòa nhà Trung tâm hành chính Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Website: <http://congthuong.hochiminhcity.gov.vn>

7. Điện thoại số: +84.2838.222.311

Email: sct@tphcm.gov.vn

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi quản lý của Sở Công Thương.

3. Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; Chi cục Quản lý thị trường Thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương.

4. Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngành công thương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 3. Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Dự thảo các văn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương và các văn bản khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Về công tác thi hành pháp luật

Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật liên quan lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

Điều 5. Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

1. Về năng lượng gồm: điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng khác.
2. Về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.
3. Về công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ.
4. Về khuyến công, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
5. Về an toàn kỹ thuật công nghiệp; bảo vệ môi trường trong ngành công thương.
6. Thực hiện nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành xây dựng trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng.
7. Về thương mại và thị trường trong nước; quản lý thị trường.
8. Về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ logistics.
9. Về phòng vệ thương mại.
10. Về thương mại điện tử và kinh tế số.
11. Về quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.
12. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
13. Về Xúc tiến thương mại.

14. Về hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển thị trường ngoài nước, hợp tác khu vực và song phương.

15. Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động hiện diện thương mại và đầu tư kinh doanh của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo quy định của pháp luật.

16. Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận và các hình thức văn bản khác theo quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

17. Thực hiện quản lý chất lượng các công trình công nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; triển khai hoạt động hợp tác công nghiệp và thương mại với các tổ chức quốc tế; xây dựng quan hệ đối tác với các công ty đa quốc gia; tiếp nhận và tổ chức quản lý, điều phối các khoản ODA và hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp theo quy định của pháp luật.

19. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển bền vững, sản xuất và tiêu dùng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành Công Thương.

20. Về dịch vụ công.

21. Chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài được Sở Công Thương chủ trì đàm phán, ký hoặc thay mặt Nhà nước, Chính phủ Việt Nam đàm phán, ký.

22. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê, phân tích và dự báo thống kê ngành công thương; thực hiện thu thập, tổng hợp thông tin các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật Thống kê; thực hiện các Chương trình điều tra thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương theo quy định của Luật Thống kê và quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng Chương trình điều tra thống kê ngành công thương và tổ chức thực hiện.

23. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức lập phương án khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm I trong quy hoạch tỉnh và triển khai thực hiện

quy hoạch khoáng sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ khác

1. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

7. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

8. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc Sở (nếu có) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Công Thương và các cơ quan ngang Bộ.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 7. Lãnh đạo Sở Công Thương

1. Sở Công Thương có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Giám đốc Sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Sở theo phân cấp.

Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Công Thương về tổ chức và hoạt động của Sở; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời các kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi lĩnh vực công thương; phối hợp với các Giám đốc Sở, ban, ngành khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

3. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo

đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chức danh do Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trên cơ sở các quy định của Đảng và pháp luật. Việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

Điều 8. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ

1. Văn phòng.
2. Phòng Kiểm tra - Pháp chế.
3. Phòng Tổ chức cán bộ.
4. Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp.
5. Phòng Quản lý Công nghiệp.
6. Phòng Quản lý Năng lượng.
7. Phòng Quản lý Thương mại.
8. Phòng Kinh tế Quốc tế.

Điều 9. Chi cục trực thuộc

1. Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Dương.
3. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 10. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

1. Trung tâm Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trung tâm Phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.
4. Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Phát triển công nghiệp.
5. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.

Điều 11. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Công Thương được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được phê duyệt, hàng năm Sở Công Thương xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 12. Đối với Bộ Công Thương

1. Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương; Sở Công Thương báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác, dự các cuộc họp do Bộ Công Thương triệu tập.

2. Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Công Thương chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Công Thương phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ Công Thương.

Điều 13. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đối với những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở mà Sở Công Thương và các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Công Thương báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 14. Đối với các tổ chức Đảng

Sở Công Thương phối hợp với các Ban của Thành ủy và Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố để tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố, tham khảo ý kiến của các Ban của Thành ủy, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở.

Điều 15. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Sở Công Thương chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chính sách của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 16. Đối với các sở, ban, ngành Thành phố

1. Sở Công Thương có quan hệ với các sở, ban, ngành Thành phố theo nguyên tắc phối hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của Thành phố Hồ Chí Minh và nhiệm vụ của từng cơ quan; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến các sở, ban, ngành Thành phố, Sở Công Thương phải trao đổi ý kiến với các cơ quan này.

3. Được quyền đề nghị sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm

giúp cho Sở Công Thương theo dõi, quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 17. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Công Thương hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực công thương; triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đến các xã, phường, đặc khu thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Được quyền yêu cầu các xã, phường, đặc khu thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Công Thương trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những kiến nghị liên quan đến công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có những ý kiến khác nhau hoặc đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Sở, Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành của các sở, ban, ngành, Thành phố

Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện đúng nội dung Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành của Giám đốc Sở Công Thương

1. Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Sở, phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm ban hành Quy chế làm việc của cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc; tổ chức, sắp xếp các phòng, đơn vị trực thuộc, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu

nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực công thương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Công Thương phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh và quy định của pháp luật hiện hành./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tpHCM.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn